

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/DS-ST
Ngày: 02 – 4 – 2021
V/v tranh chấp về hợp đồng dân
sự vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Hồng Biên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Trí.

2. Ông Ngô Văn Khon.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 02 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2021/TLST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2021 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Thanh T, sinh năm 1984.

HKTT: Số **, khóm TT, thị trấn ThB, huyện TB, tỉnh ĐT.

Địa chỉ cư trú: Ấp **, xã BT, huyện TB, tỉnh ĐT.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1985.

Địa chỉ cư trú: Số **, ấp **, xã BT, huyện TB, tỉnh ĐT.

Chị Bùi Thị Thanh T, chị Nguyễn Thị Thanh T1 có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Bùi Thị Thanh T trình bày:

Vào ngày 15/8/2019, chị Bùi Thị Thanh T cho chị Nguyễn Thị Thanh T1 vay số tiền 10.000.000 đồng, sau đó, vay thêm số tiền 8.000.000 đồng, tổng cộng là 18.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, không xác định thời hạn trả.

Sau khi vay, chị Nguyễn Thị Thanh T1 đã trả cho chị Bùi Thị Thanh T tiền lãi

từ ngày 15/8/2019 đến ngày 15/3/2020, thành tiền là 3.780.000 đồng.

Nay, chị Bùi Thị Thanh T yêu cầu chị Nguyễn Thị Thanh T1 trả số tiền vay là 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng).

- *Bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh T1 trình bày:*

Vào ngày 15/8/2019, chị Nguyễn Thị Thanh T1 có vay của chị Bùi Thị Thanh T số tiền 10.000.000 đồng, sau đó, vay thêm số tiền 8.000.000 đồng, vay không lãi suất, không xác định thời hạn trả. Từ khi vay đến nay chị Nguyễn Thị Thanh T1 đã trả cho chị Bùi Thị Thanh T số tiền vay là 3.780.000 đồng, còn lại 14.220.000 đồng.

Nay, chị Nguyễn Thị Thanh T1 đồng ý trả cho chị Bùi Thị Thanh T số tiền 14.220.000 đồng (Mười bốn triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng).

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Giấy thỏa thuận vay tiền (Bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Thanh T và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh T1 cư trú tại ấp **, xã BT, huyện TB, tỉnh DT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp của Hợp đồng vay tài sản giữa chị Bùi Thị Thanh T và chị Nguyễn Thị Thanh T1 theo Giấy thỏa thuận vay tiền ngày 15/8/2019 vay số tiền 10.000.000 đồng và thỏa thuận miệng vay số tiền 8.000.000 đồng.

Xét thấy, sau khi thống nhất, chị Bùi Thị Thanh T và chị Nguyễn Thị Thanh T1 xác lập hợp đồng vay tài sản và có lập Giấy thỏa thuận vay tiền ngày 15/8/2019 và thỏa thuận miệng. Tại thời điểm xác lập Hợp đồng, chị Bùi Thị Thanh T và chị Nguyễn Thị Thanh T1 có khả năng bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện các quyền và nghĩa vụ dân sự theo quy định của pháp luật. Do đó, khi xác lập Hợp đồng thì chị Bùi Thị Thanh T và chị Nguyễn Thị Thanh T1 đều có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật. Việc giao kết hợp đồng được thực hiện trên cơ sở tự nguyện của các bên, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội nên Hợp đồng vay tài sản giữa chị Bùi Thị Thanh T và chị Nguyễn Thị Thanh T1 có hiệu lực pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 117, Điều 463

của Bộ luật dân sự 2015.

[2.2] Xét yêu cầu của chị Bùi Thị Thanh T về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Thanh T1 trả số tiền vay là 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng).

Xét thấy, chị Nguyễn Thị Thanh T1 thừa nhận vay của chị Bùi Thị Thanh T số tiền 18.000.000 đồng nhưng chưa thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa chị Bùi Thị Thanh T xác định việc vay tiền có thỏa thuận lãi suất nhưng chị Thúy không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Theo thông báo số 36/TB-TA ngày 04/3/2021, Tòa án yêu cầu chị Bùi Thị Thanh T cung cấp tài liệu chứng cứ thể hiện là việc vay tiền giữa chị Bùi Thị Thanh T và chị Nguyễn Thị Thúy là Hợp đồng vay có lãi suất nhưng đến nay chị Thúy không cung cấp. Hơn nữa, tại Giấy thỏa thuận vay tiền ngày 15/8/2019 không thể hiện có sự thỏa thuận về lãi suất cho vay.

Như vậy, có cơ sở xác định việc thỏa thuận vay tiền giữa chị Bùi Thị Thanh T và chị Nguyễn Thị Thanh T1 là Hợp đồng vay không trả lãi suất.

Chị Bùi Thị Thanh T thừa nhận đã của chị Nguyễn Thị Thanh T1 số tiền 3.780.000 đồng. Do đó, số tiền 3.780.000 đồng sẽ được khấu trừ vào số tiền vay 18.000.000 đồng, còn lại số tiền 14.220.000 đồng. Cho nên, chị Nguyễn Thị Thanh T1 phải có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Bùi Thị Thanh T số tiền 14.220.000 đồng theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Từ những phân tích đã nêu trên, chị Bùi Thị Thanh T yêu cầu chị Nguyễn Thị Thanh T1 trả số tiền vay là 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng) là có căn cứ chấp nhận một phần.

[2.3] Xét ý kiến của chị Nguyễn Thị Thanh T1 đồng ý trả cho chị Bùi Thị Thanh T số tiền 14.220.000 đồng (Mười bốn triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng).

Xét thấy, như phần phân tích nêu trên, ý kiến của chị Nguyễn Thị Thanh T1 là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí: Chị Bùi Thị Thanh T phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận; chị Nguyễn Thị Thanh T1 phải chịu án phí đối với yêu cầu của chị Bùi Thị Thanh T được chấp nhận theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 117, Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Thanh T.

Buộc chị Nguyễn Thị Thanh T1 trả cho chị Bùi Thị Thanh T số tiền 14.220.000 đồng (Mười bốn triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí:

Buộc chị Nguyễn Thị Thanh T1 phải chịu số tiền án phí là 711.000 đồng (Bảy trăm mười một nghìn đồng).

Buộc chị Bùi Thị Thanh T phải chịu số tiền án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 450.000 đồng (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án, số BI/2019/0011033 ngày 15/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, chị Nguyễn Thị Thanh T1 được nhận lại số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Văn Hồng Biên